

Số: 375 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 29 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện**  
**dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (Văn bản số 814/STC-QLNS ngày 28/3/2024).

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý I năm 2024 theo các biểu đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /ong

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Hưng



**CÂN ĐOÀN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số 375 /QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	<b>19.495.871</b>	<b>7.454.364</b>	<b>38,2</b>	<b>81,1</b>
A	<b>TỔNG THU NSDP</b>	<b>17.872.631</b>	<b>7.250.622</b>	<b>40,6</b>	<b>85,5</b>
I	<b>Thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>9.878.143</b>	<b>2.056.493</b>	<b>20,8</b>	<b>80,7</b>
1	Thu nội địa	8.608.143	1.898.968	22,1	100,2
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.270.000	157.525	12,4	24,1
4	Thu viện trợ				
II	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>3.320.830</b>		
III	<b>Trợ cấp NSTW</b>	<b>9.617.728</b>	<b>2.055.000</b>	<b>21,4</b>	
IV	<b>Thu kết dư ngân sách</b>				
V	<b>Thu ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		<b>1.488</b>		
VI	<b>Tạm thu ngân sách nhà nước</b>		<b>1.268</b>		
VII	<b>Thu từ các khoản cho vay của NN</b>		<b>300</b>		
VIII	<b>Các khoản ghi thu trên địa bàn</b>		<b>18.984</b>		
B	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>17.882.931</b>	<b>4.607.145</b>	<b>25,8</b>	<b>98,7</b>
I	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>17.606.530</b>	<b>4.588.161</b>	<b>26,1</b>	<b>100,4</b>
1	Chi đầu tư phát triển	5.085.954	2.118.908	41,7	81,5
2	Chi thường xuyên	12.224.442	2.467.339	20,2	125,4
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.100	426		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
5	Chi nộp ngân sách cấp trên		1.488		
6	Dự phòng ngân sách	290.584			
II	<b>Chi chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>276.401</b>			
III	<b>Các khoản ghi chi trên địa bàn</b>		<b>18.984</b>		
C	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>				
D	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>				
E	<b>CHI TẠM ỨNG</b>				



**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số **375** /QĐ-UBND ngày **29/3/2024** của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>9.878.143</b>	<b>2.056.493</b>	<b>20,8</b>	<b>80,7</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>8.608.143</b>	<b>1.898.968</b>	<b>22,1</b>	<b>100,2</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	815.000	239.097	29,3	163,4
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	120.000	62.806	52,3	124,0
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.092.000	617.680	29,5	111,1
4	Thuế thu nhập cá nhân	300.000	117.513	39,2	102,1
5	Thuế bảo vệ môi trường	510.000	40.443	7,9	59,7
6	Lệ phí trước bạ	355.000	74.768	21,1	78,7
7	Thu phí, lệ phí	106.000	32.951	31,1	103,1
8	Các khoản thu về nhà, đất	3.990.000	609.973	15,3	82,6
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000	1.264	4,2	85,3
-	Thu tiền sử dụng đất	3.720.000	570.965	15,3	87,4
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	240.000	23.032	9,6	27,6
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	14.712	-	-
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	30.000	3.117	10,4	303,8
10	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	8.000	-	0,0	-
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	90.000	14.972	16,6	-
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	10.000	8.070	80,7	221,2
13	Thu khác ngân sách	150.000	77.578	51,7	118,6
14	Thu hồi từ cổ phần hoá, thoái vốn, người nghèo trả chậm	30.143	-	0,0	-
15	Thu tiền sử dụng khu vực biển	2.000	-	-	-
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>1.270.000</b>	<b>157.525</b>	<b>12,4</b>	<b>24,1</b>
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>8.254.903</b>	<b>1.852.751</b>	<b>22,4</b>	<b>-</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	2.840.680	892.786	-	-
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	5.414.223	959.965	-	-



**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 375 /QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DT NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>17.882.931</b>	<b>4.607.145</b>	<b>25,8</b>	<b>98,7</b>
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>17.606.530</b>	<b>4.588.161</b>	<b>26,1</b>	<b>100,4</b>
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>5.085.954</b>	<b>2.118.908</b>	<b>41,7</b>	<b>81,5</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.085.954	2.118.908	41,7	81,5
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công ích				
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>12.224.442</b>	<b>2.467.339</b>	<b>20,2</b>	<b>125,4</b>
	<i>Tỷ trọng</i>	<i>69,4</i>	<i>53,8</i>		
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	4.886.141	1.056.222	21,6	132,5
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số KHHGD	932.304	147.571	15,8	94,3
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	35.571	2.974	8,4	23,0
4	Chi sự nghiệp văn hóa TT.TT & DL	163.136	31.073	19,0	121,5
5	Chi SN phát thanh truyền hình	63.951	10.984	17,2	133,1
6	Chi đảm bảo xã hội	2.029.177	402.388	19,8	120,5
7	Chi sự nghiệp kinh tế	1.129.015	167.530	14,8	168,3
8	Chi sự nghiệp tài nguyên và môi trường	542.424	30.273	5,6	158,8
9	Chi quản lý hành chính	1.987.939	508.051	25,6	121,1
10	Chi trợ giá	15.500	3.300	21,3	132,0
11	Chi khác ngân sách	66.961	2.969	4,4	148,7
III	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>4.100</b>	<b>426</b>		
IV	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>290.584</b>			
V	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.450</b>			
VI	<b>Chi trả nợ gốc</b>				
VII	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>		<b>1.488</b>		
B	<b>BỘI CHI NSDP</b>	<b>71.900</b>			
C	<b>CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>	<b>276.401</b>			
D	<b>CÁC KHOẢN GHI CHI TRÊN ĐỊA BÀN</b>		<b>18.984</b>		
E	<b>CHI TẠM ỨNG</b>				



**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN  
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 375 /QĐ-UBND ngày 29 /3/2024 của UBND tỉnh)

**1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước**

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) ước thực hiện 7.454,3 tỷ đồng, đạt 38,2% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 81,1% so với cùng kỳ năm 2023.

Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) ước thực hiện 7.250,6 tỷ đồng, đạt 40,6% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (loại trừ thu chuyển nguồn, thu kết dư thì thu NSDP ước đạt 21,9% dự toán giao), bằng 85,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Một số khoản thu thực hiện như sau:

1.1. *Thu nội địa*: ước thực hiện 1.898,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 26,1% tổng thu NSDP, đạt 22,1% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 100,2% so với cùng kỳ năm 2023.

1.2. *Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu*: ước thực hiện 157,5 tỷ đồng, đạt 12,4% dự toán giao, bằng 24,1% so với cùng kỳ năm 2023.

1.3. *Thu chuyển nguồn từ năm trước sang*: ước thực hiện 3.320,8 tỷ đồng.

1.4. *Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương*: ước thực hiện 2.055 tỷ đồng.

**2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương**

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 3 tháng đầu năm 4.607,1 tỷ đồng, đạt 25,8% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 98,7% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó:

2.1. *Chi đầu tư phát triển*: ước thực hiện 2.118,9 tỷ đồng, đạt 41,7% dự toán năm, bằng 81,5% so với cùng kỳ năm 2023.

2.2. *Chi tiêu dùng thường xuyên*: ước thực hiện 2.467,3 tỷ đồng, đạt 20,2% dự toán giao, bằng 125,4% so với cùng kỳ năm 2023, đã đáp ứng nhu cầu chi lương, các khoản an sinh xã hội, chi trợ cấp trong dịp Tết Nguyên đán, cụ thể:

Chi sự nghiệp kinh tế ước thực hiện 167,5 tỷ đồng, đạt 14,8% dự toán năm; sự nghiệp tài nguyên và môi trường ước thực hiện 30,2 tỷ đồng, đạt 5,6% dự toán năm; sự nghiệp khoa học công nghệ ước thực hiện 2,9 tỷ đồng, đạt 8,4% dự toán năm; sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 1.056,2 tỷ đồng, đạt 21,6% dự toán năm; sự nghiệp văn hoá thể thao du lịch ước thực hiện 31 tỷ đồng, đạt 19% dự toán năm; sự nghiệp y tế, dân số KHHGD ước thực hiện 147,5 tỷ đồng, đạt 15,8% dự toán năm; chi đảm bảo xã hội ước thực hiện 402,3 tỷ đồng, đạt 19,8% dự toán năm; chi quản lý hành chính ước thực hiện 508 tỷ đồng, đạt 25,6% dự toán năm./.